

Số: 680/QĐ-BVU

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả và danh sách thí sinh đạt chuẩn đầu ra tiếng Hàn
trình độ đại học chính quy - Đợt xét tháng 1 năm 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg ngày 27/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Nghị quyết số 200/NQ-BVU ngày 17/09/2025 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 310A/QĐ-BVU ngày 04/09/2019, số 723/QĐ-BVU ngày 17/11/2020; số 74/QĐ-BVU ngày 28/07/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học khóa tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 191/QĐ-BVU ngày 06/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu;

Xét theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận kết quả và danh sách thí sinh đạt chuẩn đầu ra tiếng Hàn trình độ đại học chính quy - Đợt xét tháng 1 năm 2026 (theo 03 Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp chứng nhận cho các thí sinh đạt có tên tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các Khoa;
- Công TTSV, TB egov;
- Lưu: VT, phòng Đào tạo đại học.



PGS.TS. Nguyễn Bá Hoàng



DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG HÀN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (DANH SÁCH 2)

(Theo hướng dẫn số 729/HD-BVU ngày 23/4/2025)

(Đính kèm Quyết định số 680/QĐ-BVU ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Hàn CDR 1 (Korean CDR 1)		Tiếng Hàn CDR 2 (Korean CDR 2)		Tiếng Hàn CDR 3 (Korean CDR 3)		Tiếng Hàn CDR 4 (Korean CDR 4)		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
1	22030561	Huỳnh Nguyễn Phương	Duy	Nam	25/03/2004	DH22PA	6.10	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.20	Học kỳ 3 [2023-2024]	6.10	Học kỳ 1 [2024-2025]	6.70	Học kỳ 2 [2024-2025]	6.50
2	22030717	Trần Phan Mỹ	Huyền	Nữ	11/02/2004	DH22PA	6.60	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.20	Học kỳ 1 [2024-2025]	6.60	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.60
3	22031349	Trần Thị Kim	Ly	Nữ	20/12/2004	DH22PA	8.10	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.40	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.70	Học kỳ 1 [2024-2025]	5.80	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.50
4	22030899	Nguyễn Võ Bích	Ngọc	Nữ	18/08/2004	DH22PA	7.30	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.40	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.70	Học kỳ 1 [2024-2025]	6.90	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.60
5	22031549	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	Nữ	11/02/2004	DH22PA	8.20	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.80	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.70	Học kỳ 1 [2024-2025]	7.70	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.10
6	22030062	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	12/07/2004	DH22PA	7.40	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.10	Học kỳ 1 [2024-2025]	7.60	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.30
7	22030424	Mai	Thanh	Nữ	03/08/2004	DH22PA	8.40	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.40	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.10	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.20	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.50
8	22030910	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	20/07/2004	DH22PA	5.80	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.60	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.10	Học kỳ 1 [2024-2025]	6.70	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.10
9	22031462	Lê Ngọc	Trần	Nữ	13/06/2004	DH22PA	5.50	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.40	Học kỳ 3 [2023-2024]	6.70	Học kỳ 1 [2024-2025]	5.60	Học kỳ 2 [2024-2025]	6.30
10	22031042	Trần Thảo	Trang	Nữ	02/09/2004	DH22PA	6.10	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.10	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	5.50	Học kỳ 2 [2024-2025]	6.40
11	22031171	Châu Thế	Trung	Nam	01/01/1996	DH22PA	9.10	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.30	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.60	Học kỳ 1 [2024-2025]	9.00	Học kỳ 2 [2024-2025]	9.30
12	22031348	Vũ Xuân	Trường	Nam	26/06/2004	DH22PA	6.50	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.10	Học kỳ 1 [2024-2025]	7.50	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.80
13	22031152	Phạm Duy	Tuyền	Nam	14/03/2004	DH22PA	6.50	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.60	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.20	Học kỳ 1 [2024-2025]	6.70	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.80
14	22030511	Lê Thị Tú	Uyên	Nữ	16/06/2004	DH22PA	7.30	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.10	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.60	Học kỳ 1 [2024-2025]	7.90	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.20
15	22030599	Nguyễn Đại	Khoa	Nam	26/01/2004	DH22TL	6.50	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.80	Học kỳ 3 [2023-2024]	5.40	Học kỳ 1 [2024-2025]	5.90	Học kỳ 2 [2024-2025]	6.40
16	22030954	Trần Vũ Bá	Long	Nam	14/09/2004	DH22TL	7.60	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.20	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.30	Học kỳ 1 [2024-2025]	5.80	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.00
17	22031572	Nguyễn Điện Viên	An	Nữ	09/02/2002	DH22TM	6.00	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.60	Học kỳ 1 [2024-2025]	6.50	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.00
18	22031343	Trần Thị Quỳnh	Anh	Nữ	01/06/2004	DH22TM	7.60	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.40	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.40	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.70	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.50
19	22030374	Trần Thị Hồng	Gấm	Nữ	08/10/2004	DH22TM	8.00	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.70	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.10	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.30	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.50

(Chữ ký)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Hàn CDR 1 (Korean CDR 1)		Tiếng Hàn CDR 2 (Korean CDR 2)		Tiếng Hàn CDR 3 (Korean CDR 3)		Tiếng Hàn CDR 4 (Korean CDR 4)		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
20	22031233	Phạm Thị Thanh	Hiếu	Nữ	09/07/2003	DH22TM	8.90	Học kỳ 2 [2023-2024]	10.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.80	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.20	Học kỳ 2 [2024-2025]	9.20
21	22031174	Nguyễn Trí	Khoa	Nam	05/05/2001	DH22TM	7.00	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.40	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	7.60	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.00
22	22030260	Hoàng Mỹ Ngọc	Linh	Nữ	19/01/2004	DH22TM	6.80	Học kỳ 2 [2023-2024]	7.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	6.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	7.00	Học kỳ 2 [2024-2025]	6.70
23	22031129	Nguyễn Thị Bích	Ngân	Nữ	16/05/2004	DH22TM	7.70	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.40	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.70	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.70
24	22031311	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	06/06/2004	DH22TM	6.40	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.20	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.50	Học kỳ 1 [2024-2025]	6.40	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.10
25	22030943	Huỳnh Khiết	Vân	Nữ	22/11/2003	DH22TM	9.10	Học kỳ 2 [2023-2024]	10.00	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.60	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.80	Học kỳ 2 [2024-2025]	9.40
26	22030635	Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	12/02/2004	DH22TM	7.40	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.40	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.60	Học kỳ 1 [2024-2025]	6.40	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.70

Danh sách có 26 sinh viên./.

th B

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG HÀN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (DANH SÁCH 1)
(Theo hướng dẫn số 1055/HD-BVU ngày 06/4/2022)
(Đính kèm Quyết định số 680 /QĐ-BVU ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Hàn 1		Tiếng Hàn 2		Tiếng Hàn 3		Tiếng Hàn 4		Tiếng Hàn 5		Tiếng Hàn 6		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
1	21030033	Phạm	Khánh	Nam	31/05/2002	DH21TM2	8.60	Học kỳ 2 [2022-2023]	6.50	Học kỳ 3 [2022-2023]	7.20	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.70	Học kỳ 3 [2023-2024]	7.70	Học kỳ 1 [2025-2026]	7.00	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.60

Danh sách có 01 sinh viên./.

[Signature]

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG HÀN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (DANH SÁCH 3)

(Theo hướng dẫn số 729/HD-BVU ngày 23/4/2025)

(Đính kèm Quyết định số 680/QĐ-BVU ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	TOPIK 2A CĐR (tiếng Hàn)		TOPIK 2B CĐR (tiếng Hàn)		TOPIK 3A CĐR (tiếng Hàn)		TOPIK 3B CĐR (tiếng Hàn)		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
1	22030953	Lê Thị	Cầm	Nữ	04/12/2004	DH22HQ	7.50	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.40	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.60	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.60
2	22031684	Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	29/01/2004	DH22HQ	6.40	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.70	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.40	Học kỳ 1 [2024-2025]	9.20	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.70
3	22031219	Phan Thị Kim	Hên	Nữ	10/08/2004	DH22HQ	9.00	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.60	Học kỳ 3 [2023-2024]	10.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	9.70	Học kỳ 2 [2024-2025]	9.60
4	22030922	Nguyễn Thị Tổ	Lan	Nữ	29/08/2004	DH22HQ	8.60	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.90	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.90	Học kỳ 1 [2024-2025]	9.40	Học kỳ 2 [2024-2025]	9.00
5	22031676	Trần Thị Thúy	Ngân	Nữ	05/10/2001	DH22HQ	7.90	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.30	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	9.80	Học kỳ 2 [2024-2025]	9.00
6	22030129	Nguyễn Hoàng	Oanh	Nữ	09/10/2004	DH22HQ	9.00	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.30	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.80	Học kỳ 1 [2024-2025]	9.30	Học kỳ 2 [2024-2025]	9.40
7	22030082	Nguyễn Thị Minh	Phước	Nữ	24/02/2004	DH22HQ	9.40	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.40	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.40	Học kỳ 1 [2024-2025]	9.30	Học kỳ 2 [2024-2025]	9.40
8	22030141	Huỳnh Ngọc	Phương	Nữ	24/02/2004	DH22HQ	9.00	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.10	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.60	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.00	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.70
9	22030269	Nguyễn Trần Minh	Thư	Nữ	24/07/2004	DH22HQ	8.30	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.40	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.10	Học kỳ 1 [2024-2025]	7.20	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.30
10	22030487	Huỳnh Ngọc	Trâm	Nữ	19/05/2004	DH22HQ	7.50	Học kỳ 2 [2023-2024]	6.50	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.30	Học kỳ 1 [2024-2025]	5.80	Học kỳ 2 [2024-2025]	7.30
11	22030963	Nguyễn Thị Ái	Vi	Nữ	15/02/2004	DH22HQ	8.70	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.70	Học kỳ 3 [2023-2024]	8.70	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.10	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.60
12	22030893	Phạm Ngọc Tường	Vy	Nữ	20/04/2003	DH22HQ	8.40	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.20	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.70	Học kỳ 1 [2024-2025]	9.10	Học kỳ 2 [2024-2025]	9.10
13	22031285	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	12/12/2004	DH22HQ	9.20	Học kỳ 2 [2023-2024]	8.50	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.00	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.30	Học kỳ 2 [2024-2025]	8.80
14	22031350	Nguyễn Trà Ngọc	Vy	Nữ	22/02/2003	DH22HQ	9.60	Học kỳ 2 [2023-2024]	9.30	Học kỳ 3 [2023-2024]	9.50	Học kỳ 1 [2024-2025]	8.40	Học kỳ 2 [2024-2025]	9.20

Danh sách có 14 sinh viên./.